

HỌC KỲ II/2025

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH DÀNH CHO  
DU HỌC SINH QUỐC TẾ  
(TÂN SINH VIÊN & SINH VIÊN CHUYỂN TIẾP)**



- ※ Tất cả nội dung trong thông báo tuyển sinh này sẽ không được thông báo riêng tới từng thí sinh, vậy nên thí sinh cần phải nắm rõ tất cả các nội dung trong bản hướng dẫn này. Mọi điều chỉnh về nội dung sẽ được đăng thông báo trên trang chủ của bộ phận tuyển sinh ([admission.ssu.ac.kr](http://admission.ssu.ac.kr)), thí sinh cần lưu ý kiểm tra kỹ trước và sau khi nộp hồ sơ. Trường hợp phát sinh vấn đề do thí sinh không kiểm tra kỹ các thông báo liên quan tới tuyển sinh, thí sinh sẽ phải chịu toàn bộ trách nhiệm.
- ※ Thông báo tuyển sinh này được soạn thảo bằng tiếng Hàn và dịch sang tiếng Anh, Trung, Việt. Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào phát sinh trong việc giải thích cùng một nội dung, [bản tiếng Hàn](#) sẽ được sử dụng làm tiêu chuẩn.

## Soongsil Making a Star

Cũng như các vì sao trên bầu trời đêm soi sáng những con đường, Đại học Soongsil đã luôn là ánh sáng dẫn lối con đường tới tương lai. Trong suốt nhiều năm qua, Đại học Soongsil đã đào tạo nên nhiều nhà lãnh đạo ưu tú, dẫn dắt dân tộc đi qua những thời kỳ khó khăn lầm than.

Hiện tại, đại học Soongsil có khoảng 1.600 sinh viên ngoại quốc đang theo học. Nhà trường sẽ tổ chức nhiều chương trình đa dạng để giúp các bạn sinh viên có một quãng đời sinh viên rực rỡ.

Nhà trường hy vọng các bạn sẽ trở thành những sinh viên ưu tú, những vì sao sáng dẫn dắt xã hội, thế giới này ngày một phát triển hơn.

## Special Point of Soongsil

### Point1. Hệ thống hỗ trợ nâng cao khả năng tiếng Hàn

Nhằm hỗ trợ nâng cao khả năng tiếng Hàn của sinh viên ngoại quốc, trường thiết lập hệ thống đào tạo chuyên biệt và hỗ trợ đăng ký bài thi đánh giá năng lực tiếng Hàn(TOPIK)

- Mở một số môn học đại cương cho sinh viên ngoại quốc
- Tập trung nâng cao khả năng sử dụng tiếng Hàn và toán học cơ bản của sinh viên trong kỳ 1, 2 ngay sau khi nhập học
- Tổ chức các lớp học tiếng Hàn đại học, lớp luyện viết
- Tập trung vào các môn học về văn hóa Hàn Quốc, tiếng Hàn, các môn tự chọn như: tìm hiểu tiếng Hàn, lịch sử Hàn Quốc,...
- Tổ chức lớp dự bị thi TOPIK dành cho các sinh viên chưa có chứng chỉ TOPIK
- Trường là một trong các đơn vị tổ chức kỳ thi TOPIK nên sinh viên có thêm cơ hội dự thi
- Chế độ học bổng cho sinh viên giỏi tiếng Hàn (trang 10)

### Point2. Chương trình học dựa trên năng lực sinh viên

Nhà trường cung cấp chương trình học dựa trên kết quả đánh giá năng lực thực tế của sinh viên

- <Đánh giá năng lực sinh viên quốc tế> Nhà trường tổ chức kiểm tra đánh giá 7 năng lực học tập của sinh viên (nhận thức, động lực, hành vi học tập), cung cấp báo cáo phân tích kết quả riêng biệt và chương trình học tập phù hợp
- <Dạy kèm sinh viên quốc tế> Nhóm 3~6 sinh viên nước ngoài sẽ lập nhóm với 1 sinh viên hệ đại học/cao học người nước ngoài/Hàn Quốc để được hỗ trợ trong học tập
- <Dạy học 1:1> Chuyên gia sẽ phân tích kết quả kiểm tra năng lực học/định hướng, tư vấn, cải thiện chiến lược học tập phù hợp
- <Cuộc thi tiếng Hàn cho sinh viên quốc tế> Nâng cao kỹ năng viết tiếng Hàn thông qua liên kết chương trình học với chương trình ngoại khóa, cho sinh viên trải nghiệm hoàn thành bài viết về một chủ đề thay vì làm bài tập/báo cáo
- <Tư vấn cho sinh viên bị cảnh cáo học vụ> Tư vấn hướng cải thiện kết quả học tập cho sinh viên bị cảnh cáo học vụ trong kỳ học trước (tối đa 2 lần)

### Point3. Hỗ trợ sinh viên thích nghi với cuộc sống du học sinh Hàn Quốc

Nhằm giúp sinh viên thích nghi cuộc sống du học, trường triển khai tổ chức chương trình giao lưu sinh viên Hàn Quốc với sinh viên ngoại quốc, hội sinh viên tự quản theo quốc gia. nỗ lực giúp sinh viên phòng tránh tội phạm đời sống

- <Chương trình Mentor – Mentee> Chương trình giao lưu giữa sinh viên Hàn Quốc đang theo học tại trường với các tân sinh viên, sinh viên chuyển tiếp nhằm hỗ trợ lẫn nhau trong học tập và đời sống (SSU Mentors/SSU Friends)
- <Giáo dục phòng chống tội phạm> Đào tạo các biện pháp phòng tránh tội phạm (Sở cảnh sát Dongjak)

### Point4. Hỗ trợ tư vấn tâm lý với chuyên gia

Nhằm giúp sinh viên luôn có cuộc sống cân bằng, nhà trường có phòng hỗ trợ tư vấn tâm lý với chuyên gia thông thạo ngoại ngữ. Đặc biệt, nhà trường còn tiến hành kiểm tra, chăm sóc tâm lý, tư vấn chuyên sâu giúp sinh viên luôn duy trì tâm trí lành mạnh.

### Point5. Chương trình tư vấn, hỗ trợ tìm việc

Nhà trường hỗ trợ sinh viên tìm việc làm thông qua nhiều hình thức: cung cấp tin tuyển dụng, tổ chức hội thảo nâng cao năng lực tìm việc, hướng dẫn viết hồ sơ xin việc, tổ chức gặp gỡ các sinh viên quốc tế đã tìm việc thành công,...

### Point6. Cung cấp trung tâm thông tin toàn cầu

Là không gian trao đổi và học tập chung giữa du học sinh quốc tế, sinh viên trao đổi và sinh viên Hàn Quốc. Nhà trường tổ chức các chương trình như International Day để các bạn du học sinh quốc tế, sinh viên trao đổi có cơ hội làm quen, giao lưu với sinh viên Hàn Quốc.

## TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC - MỤC TIÊU GIÁO DỤC - TIÊU CHUẨN NHÂN TÀI

### TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC

#### GIÁ TRỊ CHÂN LÝ, TỪ THIỆN DỰA TRÊN TINH THẦN CƠ ĐỐC GIÁO

Trường Đại học Soongsil với tư cách là đại học hiện đại đầu tiên của Hàn Quốc, được thành lập với triết lý dựa trên tinh thần Cơ Đốc giáo, hướng đến chân lý và tinh thần từ thiện

### MỤC TIÊU GIÁO DỤC



Đào tạo nhân cách trên tinh thần Cơ Đốc Giáo

Đào tạo nhân cách trên tinh thần Cơ Đốc Giáo nhằm phát triển hệ giá trị và thể giới quan Cơ Đốc Giáo



Giáo dục tiên tiến mang tính tích hợp

giáo dục tiên tiến tích hợp nhằm đào tạo những nhân tài xuất sắc có khả năng dẫn dắt xã hội tương lai.



Giáo dục thực tiễn mang tính từ thiện

giáo dục thực tiễn mang tính từ thiện nhằm đào tạo những nhân tài có thể đóng góp cho đất nước và nhân loại



Giáo dục công dân toàn cầu bằng nhiều thử thách

Giáo dục công dân toàn cầu làm quen với thử thách, dẫn dắt sự phát triển của dân tộc, thống nhất hòa bình và sự thịnh vượng của nhân loại

### TIÊU CHUẨN NHÂN TÀI

#### Một người lãnh đạo sáng tạo toàn cầu với năng lực dẫn dắt tương lai

##### Nhà tri thức sáng tạo

Nhân tài sáng tạo tích hợp, tạo ra giá trị mới dựa trên sự đa dạng.

##### Người có kiến thức tổng hợp đa phương diện

Nhân tài biết đồng cảm, dẫn dắt xã hội dựa trên nhân cách đúng đắn.

##### Công dân toàn cầu đổi mới

Nhân tài toàn cầu năng động, dẫn dắt tương lai dựa trên tinh thần thử thách.

Trường được thành lập dựa trên tinh thần Cơ Đốc Giáo nên tất cả sinh viên của trường bắt buộc phải hoàn thành các môn học về Cơ Đốc Giáo và Chapel

## MỤC LỤC

|            |   |    |
|------------|---|----|
| 1.         | Danh sách các khoa và chuyên ngành              | 1  |
| 2.         | Điều kiện ứng tuyển                             | 2  |
| 3.         | Phương thức và số lượng tuyển sinh              | 3  |
| 4.         | Lịch trình xét tuyển                            | 4  |
| 5.         | Hướng dẫn về kỳ thi năng lực tiếng Hàn Soongsil | 5  |
| 6.         | Hồ sơ cần chuẩn bị                              | 6  |
| 7.         | Lưu ý dành cho thí sinh                         | 8  |
| 8.         | Học phí   | 9  |
| 9.         | Học bổng  | 10 |
| 10.        | Đời sống học đường                              | 11 |
| Phụ lục 1. | Mẫu đơn thông tin trường                        | 12 |
| Phụ lục 2. | Hướng dẫn điền đơn ứng tuyển online             | 13 |
| Phụ lục 3. | Bản đồ khuôn viên trường                        | 14 |
| Phụ lục 4. | Phương tiện giao thông đến trường               | 15 |

## 1 Danh sách các khoa và chuyên ngành

| Đại học                          | Khoa tuyển sinh   | Chuyên ngành   | Ghi chú                  |  |
|----------------------------------|---|--|--------------------------|--|
| Đại học nhân văn                 | Khoa Cơ Đốc Giáo  |  |                          |  |
|                                  | Khoa Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc                                     |  |                          |  |
|                                  | Khoa Ngôn ngữ và văn học Anh  |  |                          |  |
|                                  | Khoa Ngôn ngữ và văn học Đức  |  |                          |  |
|                                  | Khoa Ngôn ngữ và văn học Pháp   |  |                          |  |
|                                  | Khoa Ngôn ngữ và văn học Trung Quốc                                   |  |                          |  |
|                                  | Khoa Ngôn ngữ và văn học Nhật   |  |                          |  |
|                                  | Khoa Triết học  |  |                          |  |
|                                  | Khoa Lịch sử học  |  |                          |  |
|                                  | <b>Khoa Nghệ thuật sáng tạo,<br/>chuyên ngành nghệ thuật điện ảnh</b> |  | <b>Chỉ tân sinh viên</b> |  |
|                                  | Khoa thể thao   | Thể dục thể thao , Khoa học Thể thao                           |                          |  |
| Đại học luật                     | Khoa luật   |  |                          |  |
|                                  | Khoa luật quốc tế   |  |                          |  |
| Đại học khoa học xã hội          | Khoa phúc lợi xã hội  | Thực hành phúc lợi xã hội,<br>chính sách - hành chính phúc lợi |                          |  |
|                                  | Khoa hành chính   | Hành chính, quản lý thông tin hành chính                       |                          |  |
|                                  | Khoa quan hệ quốc tế và chính trị                                     |  |                          |  |
|                                  | Khoa xã hội thông tin   |  |                          |  |
|                                  | Khoa truyền thông và quảng cáo  |  |                          |  |
| Đại học kinh tế thương mại       | Khoa kinh tế  |  |                          |  |
|                                  | Khoa thương mại quốc tế   |  |                          |  |
| Đại học Quản trị Kinh doanh      | Khoa quản trị kinh doanh  | HR & Marketing, OM & MIS,<br>Financial Management              |                          |  |
|                                  | Khoa kế toán  |  |                          |  |
|                                  | Khoa đầu tư khởi nghiệp   |  |                          |  |
| Đại học khoa học tự nhiên        | Khoa tài chính  | Tài chính Kỹ thuật số, Tài chính Toàn cầu                      |                          |  |
|                                  | Khoa toán học   |  |                          |  |
|                                  | Khoa vật lý   |  |                          |  |
|                                  | Khoa hóa học  |  |                          |  |
|                                  | Khoa thống kê thông tin xử lý bảo hiểm                                |  |                          |  |
| Đại học kỹ thuật                 | Khoa hệ thống sinh học y tế   | Thông tin sinh học, công nghệ sinh học                         |                          |  |
|                                  | Khoa kỹ thuật hóa học   |  |                          |  |
|                                  | Khoa kỹ thuật vật liệu mới  |  |                          |  |
|                                  | Khoa kỹ thuật điện  | Năng lượng điện, thông tin điện                                |                          |  |
|                                  | Khoa kỹ thuật cơ khí  |  |                          |  |
|                                  | Khoa kỹ thuật hệ thống công nghiệp thông tin                          |  |                          |  |
|                                  | <b>Khoa kiến trúc chuyên ngành kiến trúc -<br/>kỹ thuật kiến trúc</b> | Kiến trúc (chương trình 5 năm),<br>kỹ thuật kiến trúc          | <b>Chỉ tân sinh viên</b> |  |
| Đại học công nghệ thông tin (IT) | <b>Khoa Khoa học Máy tính</b>   | Phần mềm hệ thống, phần mềm tổng hợp                           | <b>Chỉ tân sinh viên</b> |  |
|                                  | Kỹ thuật Thông tin và Điện tử   | Chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử                                  |                          |  |
|                                  |   | Chuyên ngành IT tổng hợp                                       |                          |  |
|                                  | <b>Khoa truyền thông quốc tế</b>                                      | kỹ thuật truyền thông, kỹ thuật nội dung                       | <b>Chỉ tân sinh viên</b> |  |
|                                  | <b>Khoa phần mềm hệ thống</b>   | bảo mật thông tin và phần mềm, trí tuệ nhân tạo big data       | <b>Chỉ tân sinh viên</b> |  |

## 2 Điều kiện ứng tuyển (cần đáp ứng tất cả các tiêu chí dưới đây)

### 1. Quốc tịch: thí sinh và bố mẹ của thí sinh đều phải là người nước ngoài

- 1) Trường hợp từng là công dân Hàn Quốc nhưng lấy quốc tịch nước ngoài: chỉ công nhận bố mẹ và thí sinh đều là người nước ngoài khi cả bố mẹ của thí sinh và thí sinh lấy quốc tịch nước ngoài trước khi thí sinh học chương trình trung học phổ thông (trước ngày nhập học vào cấp 3). Yêu cầu nộp hồ sơ chứng minh như: xác nhận ngày từ bỏ quốc tịch Hàn/ xác nhận ngày lấy quốc tịch nước ngoài,...
- 2) Không chấp nhận trường hợp đang giữ cả quốc tịch Hàn và một quốc tịch khác
- 3) Đối với sinh viên thuộc gia đình đơn thân không có thông tin về cha hoặc mẹ, cần có tài liệu bổ sung chứng minh thông tin này. Nếu không có tài liệu, sẽ bị coi là không đáp ứng điều kiện ứng tuyển về quốc tịch.

### 2. Điều kiện về học vấn

- 1) Chỉ công nhận các chương trình học tại trường chính quy theo quy định của pháp luật quốc gia nơi trường tọa lạc. Không chấp nhận học vấn từ giáo dục tại nhà, chương trình giáo dục thường xuyên,...
- 2) Không chấp nhận học vấn đạt được qua các kỳ thi năng lực (GED của Mỹ, Canada, kỳ thi tự học của Trung Quốc)
- 3) Điều kiện chi tiết

| Đối tượng             |       | Điều kiện   |
|-----------------------|-------|---|
| Tân sinh viên         |       | <ul style="list-style-type: none"> <li>· Sinh viên nước ngoài đã hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục tương đương với giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông của Hàn tại Hàn hoặc nước ngoài</li> <li>· Không công nhận học vấn từ việc học trực tuyến</li> </ul>  |
| Sinh viên chuyển tiếp | Năm 2 | <p>※ Người đáp ứng một trong các điều kiện dưới đây</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>· Đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) từ trường cao đẳng trong nước hoặc nước ngoài</li> <li>· Đã hoàn thành ít nhất một năm học tại trường đại học chính quy 4 năm trong nước (không tính học kỳ 2 và học kỳ mùa hè) và đã tích lũy ít nhất một phần tư số tín chỉ tốt nghiệp của trường (tương đương 33 tín chỉ)</li> <li>· Đã hoàn thành ít nhất một năm học tại trường đại học chính quy ở nước ngoài (chương trình cử nhân) và đã tích lũy ít nhất một phần tư số tín chỉ tốt nghiệp</li> </ul> |
|                       | Năm 3 | <p>※ Người đáp ứng một trong các điều kiện dưới đây</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>· Đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) từ trường cao đẳng trong nước hoặc nước ngoài</li> <li>· Đã hoàn thành ít nhất hai năm học tại trường đại học chính quy 4 năm trong nước (không tính học kỳ 4 và học kỳ mùa hè) và đã tích lũy ít nhất một nửa số tín chỉ tốt nghiệp của trường (tương đương 66 tín chỉ).</li> <li>· Đã hoàn thành ít nhất hai năm học tại trường đại học chính quy ở nước ngoài (chương trình cử nhân) và đã tích lũy ít nhất một nửa số tín chỉ tốt nghiệp</li> </ul>        |

※ Trường hợp đáp ứng đủ điều kiện đăng ký thi có thể đăng ký nhập học mới và nhập học hệ chuyển tiếp

### 3. Điều kiện về ngoại ngữ

| Khối ngành   | Tiêu chí điều kiện ứng tuyển   |
|--|--|
| Tất cả các khoa<br>(trừ khoa nghệ thuật sáng tạo,<br>chuyên ngành nghệ thuật điện ảnh) | <p>※ Người đáp ứng một trong các điều kiện dưới đây:</p> <p>1) Có TOPIK 3 trở lên</p> <p>2) Đã hoàn thành chương trình tiếng Hàn cấp 3 trở lên tại hệ tiếng trường Soongsil</p> <p>3) Đã hoàn thành chương trình tiếng Hàn cấp 4 trở lên tại cơ sở giáo dục tiếng Hàn thuộc trường đại học chính quy 4 năm trong nước</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ công nhận trường hợp đã hoàn thành chương trình từ cấp 4 trở lên trong khóa học tiếng Hàn được tổ chức theo cấp 1-6 (đáp ứng các tiêu chí về điểm danh, điểm số,...). Không công nhận việc hoàn thành chương trình tiếng Hàn tại các cơ sở giáo dục thuộc trường cao đẳng. (Nếu chương trình tiếng Hàn tại cơ sở giáo dục đó không được tổ chức theo cấp 1-6, cần nộp tài liệu chứng minh đã hoàn thành khóa học tương đương cấp 4 trở lên để được xem xét công nhận.)</li> </ul> <p>4) Người đạt yêu cầu trong kỳ thi năng lực tiếng Hàn của Đại học Soongsil (tiêu chuẩn đạt: từ 60 điểm trở lên trên thang điểm 100)</p> |
| khoa nghệ thuật sáng tạo,<br>chuyên ngành nghệ thuật điện ảnh                          | Có TOPIK 4 trở lên   |

※ Tất cả sinh viên quốc tế phải học một số môn học liên quan đến tiếng Hàn sau khi nhập học (trang 11)

※ Phải đạt TOPIK cấp 4 trở lên trước khi tốt nghiệp để đủ điều kiện tốt nghiệp

## 3 Phương thức và số lượng tuyển sinh

### 1. Phương thức tuyển sinh

| Khối ngành   | Phương thức         |     | Tiêu chí đánh giá (hạng mục đánh giá)  |
|--|---------------------|-----|--|
| Tất cả các khoa  | Đánh giá hồ sơ 100% |     | Đánh giá tổng hợp các hồ sơ thí sinh nộp   |
| Khoa nghệ thuật sáng tạo, chuyên ngành nghệ thuật điện ảnh | Hồ sơ               | 40% | Đánh giá tổng hợp các hồ sơ thí sinh nộp   |
|  | Phỏng vấn           | 60% | Thời gian và địa điểm sẽ được thông báo riêng (Những điều thí sinh cần lưu ý sẽ được đăng thông báo trên trang web của bộ phận tuyển sinh) |

※ Chi tiết về quá trình đánh giá sẽ không được công khai

### 2. Số lượng tuyển sinh: tuyển sinh số lượng phù hợp sau khi đánh giá toàn bộ các tiêu chí trên



## 4 Lịch trình xét tuyển

| Quy trình  | Thời gian  |  | Chú thích   |
|--|--|--|---|
|  | Đợt 1  | Đợt 2  |   |
| Đăng ký Online   | 01.04.2025<br>(thứ ba) 10:00<br>~<br>07.04.2025<br>(thứ hai) 17:00               | 04.06.2025<br>(thứ tư) 10:00<br>~<br>10.06.2025<br>(thứ ba) 17:00                | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Thanh toán lệ phí ứng tuyển 90,000won</li> <li>▶ Đăng ký online: admission.ssu.ac.kr</li> <li>▶ <b>Kỳ 2/2025 chỉ có 2 đợt tuyển sinh dành cho sinh viên quốc tế</b></li> </ul>   |
| Nộp hồ sơ  | 01.04.2025<br>(thứ ba) 10:00<br>~<br>11.04.2025<br>(thứ sáu) 17:00               | 04.06.2025<br>(thứ tư) 10:00<br>~<br>16.06.2025<br>(thứ hai) 17:00               | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Nộp trực tiếp (trừ cuối tuần, ngày lễ) / qua bưu điện</li> <li>▶ <b>Tài liệu không được gửi đến nơi trước hạn cuối sẽ bị đánh trượt</b></li> <li>▶ Địa chỉ: 서울특별시 동작구 상도로 369, 송실대학교 입학처 순수 외국인전형 담당자 앞 (우편번호 06978)</li> </ul>  |
| Phỏng vấn (Thí sinh đăng ký ngành nghệ thuật điện ảnh) | 29.04.2025<br>(thứ ba)<br>~<br>30.04.2025<br>(thứ tư)<br>(trong vòng hơn 1 ngày) | 01.07.2025<br>(thứ ba)<br>~<br>02.07.2025<br>(thứ tư)<br>(trong vòng hơn 1 ngày) | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Địa điểm và thời gian thi sẽ được thông báo riêng trong mục thông báo trên trang web của phòng tuyển sinh</li> <li>▶ <b>Chỉ với thí sinh đăng ký ngành nghệ thuật điện ảnh</b></li> </ul>  |
| Thông báo kết quả                                      | 12.05.2025<br>(thứ hai)<br>(dự kiến)   | 17.07.2025<br>(thứ năm)<br>(dự kiến)   | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Xem kết quả trên trang web bộ phận tuyển sinh</li> </ul>   |
| Sinh viên đỗ đợt 1 đăng ký nhập học                    | 12.05.2025<br>(thứ hai)<br>~<br>27.05.2025<br>(thứ ba)<br>(Dự kiến)              | -  | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Những thí sinh đỗ đợt 1 và muốn nhập học</li> <li>▶ <b><u>Trường hợp thí sinh đỗ đợt 1 nhưng không đăng ký nhập học sẽ bị đánh trượt</u></b></li> <li>▶ <b><u>Thí sinh sau khi đăng ký nhập học cần nộp học phí đúng hạn để được chính thức nhập học</u></b></li> <li>▶ Thí sinh có thể kiểm tra thông tin thời gian và chi tiết đăng ký sau khi kết quả được thông báo</li> </ul>   |
| Bổ sung TOPIK  | 07.07.2025 (thứ hai) ~<br>14.07.2025 (thứ hai) 15:00                             |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Bổ sung hồ sơ để được xét học bổng</li> <li>▶ Nộp qua email: <a href="mailto:iphak@ssu.ac.kr">iphak@ssu.ac.kr</a></li> </ul>   |
| Nộp học phí  | 17.07.2025 (thứ năm) ~<br>25.07.2025 (thứ sáu)<br>(dự kiến)                      |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Đối tượng: Thí sinh đã hoàn thành đăng ký nhập học đợt 1 và thí sinh đỗ đợt 2</li> <li>▶ Sau khi thông báo kết quả, các thí sinh trúng tuyển phải tự kiểm tra hóa đơn học phí trên trang web của phòng tuyển sinh và nộp học phí vào tài khoản ngân hàng được chỉ định cá nhân.</li> </ul>   |
| Cấp giấy phép nhập học                                 | 04.08.2025 (thứ hai) ~   |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Theo nguyên tắc, người đang cư trú tại Hàn Quốc phải trực tiếp đến nhận</li> <li>▶ Nếu muốn nhận qua email, đăng ký qua <a href="mailto:iphak@ssu.ac.kr">iphak@ssu.ac.kr</a></li> <li>▶ Trường hợp chưa nộp <u>giấy chứng nhận học lực, xác nhận số dư ngân hàng hoặc các hồ sơ được yêu cầu bổ sung khác</u>, cần bổ sung đủ mới được cấp giấy phép nhập học (nếu không sẽ bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển)</li> <li>▶ Tuy nhiên, trường hợp các sinh viên Nhật Bản được cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp vào giữa tháng 3 và có thể nộp bổ sung hồ sơ chứng minh học lực cao nhất trước ngày 25.04.2025 (thứ sáu) thì vẫn được cấp giấy phép nhập học</li> </ul> |
| Bổ sung hồ sơ đợt cuối (Giấy xác nhận số dư,...)       | Đến 17:00<br>18.08.2025 (thứ hai)  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Giấy xác nhận số dư ngân hàng, hồ sơ chứng minh học lực cao nhất, và các hồ sơ được yêu cầu cần bổ sung,...</li> </ul>   |
| Khai giảng   | 01.09.2025 (thứ hai)   |  |   |

※ Thời gian trong lịch trình tuyển sinh dựa theo tiêu chuẩn giờ Hàn Quốc

## 5 Hướng dẫn về kỳ thi năng lực tiếng Hàn Soongsil

### 1. Giới thiệu kỳ thi

- 1) Kỳ thi nhằm kiểm tra trình độ ngoại ngữ của các thí sinh ứng tuyển
- 2) Kết quả thi chỉ được sử dụng để đăng ký vào chương trình đại học của Đại học Soongsil và chỉ có hiệu lực trong thời gian ghi trên bảng điểm
- 3) Sinh viên tốt nghiệp từ hệ học tiếng của trường đại học khác cũng có thể nhận học bổng nhập học liên quan nếu đạt điểm cao trong kỳ thi này

### 2. Lịch thi

|                   | Thời gian  |  | Chú thích   |
|-------------------|--|--|---|
|                   | Lần 1  | Lần 2  |   |
| Đăng ký online    | 14.03.2025 (thứ sáu)<br>~<br>17.03.2025 (thứ hai)<br>10:00 ~ 17:00 | 23.05.2025 (thứ sáu)<br>~<br>26.05.2025 (thứ hai)<br>10:00 ~ 17:00 | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Thanh toán lệ phí thi 40,000won</li> <li>▶ Đăng ký online: <a href="http://admission.ssu.ac.kr">admission.ssu.ac.kr</a></li> </ul>                   |
| Test thử          | 18.03.2025 (thứ ba)  | 27.05.2025 (thứ ba)  | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Kiểm tra kết nối, đường truyền</li> <li>▶ Thông báo cụ thể sẽ được gửi tới email từng thí sinh sau khi thí sinh hoàn thành đăng ký online</li> </ul> |
| Thi               | 19.03.2025 (thứ tư)  | 28.05.2025 (thứ tư)  | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Thi vấn đáp online</li> <li>▶ Thông báo cụ thể sẽ được gửi tới email từng thí sinh sau khi thí sinh hoàn thành đăng ký online</li> </ul>             |
| Thông báo kết quả | 21.03.2025 (thứ sáu)   | 30.05.2025 (thứ sáu)   | <ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Thông báo riêng tới email của từng thí sinh</li> </ul>   |

\*Giải đáp các thắc mắc liên quan đến kỳ thi tiếng Hàn Soongsil: Phòng Quốc tế và Tuyển sinh 02-828-7354

## 6 Hồ sơ cần chuẩn bị

|               | Hồ sơ cần chuẩn bị  | Chú thích   |           |                |               |   |             |   |
|---------------|---|---|-----------|----------------|---------------|---|-------------|---|
| 1             | Phiếu dự thi  | · Sau khi đăng ký online, <b>cần in phiếu này ra và nộp cùng với hồ sơ khi gửi bưu điện</b>   |           |                |               |   |             |   |
| 2             | Hồ sơ chứng minh năng lực ngoại ngữ   | · <b>Hồ sơ liên quan đến điều kiện về năng lực ngoại ngữ mà nhà trường yêu cầu</b><br>· Công nhận chứng nhận ngoại ngữ bản gốc được cấp trong vòng 2 năm từ ngày nộp hồ sơ<br>· <b>Chứng nhận năng lực tiếng Hàn Soongsil (đạt) còn hạn cũng sẽ được công nhận</b>  |           |                |               |   |             |   |
| 3             | Giấy chứng nhận tốt nghiệp (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)   | <ul style="list-style-type: none"> <li>· <b>Phải nộp bản gốc tài liệu chứng minh trình độ học vấn (chỉ Sinh viên Trung Quốc được phép nộp bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp)</b></li> <li>· <b>Tham khảo 'hướng dẫn xin cấp hồ sơ chứng nhận trình độ học vấn' (trang 7)</b></li> </ul> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Phân loại</th> <th>Yêu cầu cụ thể</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tân sinh viên</td> <td>· Chứng nhận tốt nghiệp cấp 3 (chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)</td> </tr> <tr> <td>Chuyển tiếp</td> <td>· Đại học: giấy chứng nhận đang theo học/hoàn thành khóa học, giấy chứng nhận tốt nghiệp cấp 3 (chứng nhận học lực)<br/>· Cao đẳng: chứng nhận tốt nghiệp/ tốt nghiệp tạm thời</td> </tr> </tbody> </table>  | Phân loại | Yêu cầu cụ thể | Tân sinh viên | · Chứng nhận tốt nghiệp cấp 3 (chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)                  | Chuyển tiếp | · Đại học: giấy chứng nhận đang theo học/hoàn thành khóa học, giấy chứng nhận tốt nghiệp cấp 3 (chứng nhận học lực)<br>· Cao đẳng: chứng nhận tốt nghiệp/ tốt nghiệp tạm thời                 |
| Phân loại     | Yêu cầu cụ thể  |   |           |                |               |   |             |   |
| Tân sinh viên | · Chứng nhận tốt nghiệp cấp 3 (chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)  |   |           |                |               |   |             |   |
| Chuyển tiếp   | · Đại học: giấy chứng nhận đang theo học/hoàn thành khóa học, giấy chứng nhận tốt nghiệp cấp 3 (chứng nhận học lực)<br>· Cao đẳng: chứng nhận tốt nghiệp/ tốt nghiệp tạm thời                 |   |           |                |               |   |             |   |
| 4             | Bảng điểm tất cả các năm học  | <table border="1"> <thead> <tr> <th>Phân loại</th> <th>Yêu cầu cụ thể</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tân sinh viên</td> <td>· Bảng điểm cấp 3</td> </tr> <tr> <td>Chuyển tiếp</td> <td>· Bảng điểm toàn bộ các năm và học kỳ tại trường đại học (cao đẳng)<br/>· Ghi rõ các yêu cầu về số học kỳ tốt nghiệp, số tín chỉ cần để tốt nghiệp và tiêu chuẩn tính điểm (hệ thống tín chỉ).</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> <li>· Có thể nộp bản gốc các giấy tờ được viết bằng tiếng Anh/ tiếng Hàn thay bản công chứng</li> </ul>   | Phân loại | Yêu cầu cụ thể | Tân sinh viên | · Bảng điểm cấp 3   | Chuyển tiếp | · Bảng điểm toàn bộ các năm và học kỳ tại trường đại học (cao đẳng)<br>· Ghi rõ các yêu cầu về số học kỳ tốt nghiệp, số tín chỉ cần để tốt nghiệp và tiêu chuẩn tính điểm (hệ thống tín chỉ). |
| Phân loại     | Yêu cầu cụ thể  |   |           |                |               |   |             |   |
| Tân sinh viên | · Bảng điểm cấp 3   |   |           |                |               |   |             |   |
| Chuyển tiếp   | · Bảng điểm toàn bộ các năm và học kỳ tại trường đại học (cao đẳng)<br>· Ghi rõ các yêu cầu về số học kỳ tốt nghiệp, số tín chỉ cần để tốt nghiệp và tiêu chuẩn tính điểm (hệ thống tín chỉ). |   |           |                |               |   |             |   |
| 5             | Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (Giấy chứng minh quan hệ giữa thí sinh với cha mẹ do cơ quan nhà nước cấp)   | <ul style="list-style-type: none"> <li>· <b>Sinh viên Trung Quốc (chọn 1):</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công chứng hộ khẩu (Trường hợp tất cả thành viên gia đình đều chung 1 hộ khẩu và 1 trong 2 người bố hoặc mẹ là chủ hộ)</li> <li>- Công chứng giấy chứng nhận quan hệ ruột thịt (Trường hợp hộ khẩu của từng thành viên gia đình tách biệt riêng và chủ hộ không phải bố mẹ)</li> </ul> </li> <li>· <b>Sinh viên các nước khác : Giấy chứng nhận quan hệ gia đình :</b> (Nếu không có giấy do nhà nước cấp, hoặc trên giấy không có đủ cha mẹ và bản thân, cần bổ sung giấy tờ chính thức của nhà nước chứng minh quan hệ giữa bản thân và cha mẹ: giấy khai sinh, v.v.)</li> <li>· Trường hợp cha mẹ ly hôn, qua đời, tái hôn, mẹ đơn thân, v.v., cần nộp giấy tờ chứng minh liên quan . Ví dụ: Giấy ly hôn, giấy chứng tử, v.v.</li> </ul>   |           |                |               |   |             |   |
| 6             | Chứng minh thư của bố và mẹ   | · Nộp bản sao hộ chiếu hoặc bản dịch công chứng chứng minh thư do nhà nước cấp  |           |                |               |   |             |   |
| 7             | Hồ sơ xác minh việc đã lấy quốc tịch nước ngoài và từ bỏ quốc tịch Hàn (thí sinh, bố, mẹ)   | <ul style="list-style-type: none"> <li>· <b>Chỉ áp dụng với đối tượng thí sinh cần nộp giấy tờ này</b></li> <li>· Nộp bản gốc trong trường hợp các giấy tờ do nhà nước Hàn Quốc cấp (Giấy chứng nhận từ bỏ Quốc tịch, v.v.)</li> </ul>  |           |                |               |   |             |   |
| 8             | Bản sao hộ chiếu (thí sinh)   |   |           |                |               |   |             |   |
| 9             | Bản sao thẻ người nước ngoài  | · Chỉ áp dụng với thí sinh cần nộp (thí sinh hiện đang cư trú tại Hàn Quốc)   |           |                |               |   |             |   |
| 10            | Giấy chứng minh đã/đang theo học cơ sở đào tạo tiếng Hàn  | · <b>Chỉ áp dụng với đối tượng thí sinh cần nộp (thí sinh thuộc diện phải nộp giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ/ thí sinh đã/đang theo học chương trình hệ tiếng ở Soongsil) và yêu cầu nộp bản gốc</b>  |           |                |               |   |             |   |
| 11            | Giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng   | <ul style="list-style-type: none"> <li>· <b>Đối tượng: thí sinh cần xin cấp visa D-2 (nếu đã có visa cư trú dài hạn cho phép hoạt động du học, cần nộp bản sao thẻ người nước ngoài)</b></li> <li>· Tài khoản gửi ngân hàng số tiền tương ứng 20 triệu KRW trở lên (và 10 triệu KRW trở lên với trường hợp chuyển từ visa D4 hệ tiếng trường Soongsil sang visa D2)</li> <li>· Chỉ chấp nhận giấy xác nhận số dư tài khoản đứng tên thí sinh/ bố mẹ thí sinh cấp bởi ngân hàng trong/ngoài nước <b>trong vòng 30 ngày</b> tính đến thời điểm ngày nộp hồ sơ (nếu trên giấy có ghi thời gian hiệu lực thì chấp nhận giấy được cấp <b>tối đa trong vòng 6 tháng cho đến ngày giấy hết hiệu lực</b>)</li> <li>· Thời gian nộp chứng minh số dư tài khoản ngân hàng là từ thời gian nộp hồ sơ xét tuyển đến 2 tuần trước ngày nhập học</li> <li>· Trường hợp không nộp chứng minh số dư tài khoản ngân hàng thì không thể cấp Giấy phép nhập học</li> <li>· Bổ sung điều kiện với một số quốc gia</li> </ul> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Điều kiện</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Quốc</td> <td>Thời hạn hiệu lực (thời gian đóng băng khoản tiền gửi) phải còn ít nhất 30 ngày</td> </tr> <tr> <td>Uzbekistan</td> <td>Số tiền gửi ít nhất 20,000 USD tại ngân hàng KDB và phải gửi trong thời gian ít nhất 30 ngày</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> <li>· Chỉ chấp nhận giấy xác nhận số dư tài khoản của ngân hàng ở Hàn Quốc, đứng tên thí sinh đối với trường hợp đã đăng ký người nước ngoài và <b>đang lưu trú tại Hàn Quốc.</b></li> </ul> |           | Điều kiện      | Trung Quốc    | Thời hạn hiệu lực (thời gian đóng băng khoản tiền gửi) phải còn ít nhất 30 ngày | Uzbekistan  | Số tiền gửi ít nhất 20,000 USD tại ngân hàng KDB và phải gửi trong thời gian ít nhất 30 ngày  |
|               | Điều kiện   |   |           |                |               |   |             |   |
| Trung Quốc    | Thời hạn hiệu lực (thời gian đóng băng khoản tiền gửi) phải còn ít nhất 30 ngày   |   |           |                |               |   |             |   |
| Uzbekistan    | Số tiền gửi ít nhất 20,000 USD tại ngân hàng KDB và phải gửi trong thời gian ít nhất 30 ngày  |   |           |                |               |   |             |   |

※ Hướng dẫn liên quan đến việc cấp hồ sơ chứng nhận học lực

| Quốc gia (thí sinh xuất thân)   | Hồ sơ chứng minh học lực cần nộp   | Cơ quan cấp giấy và thông tin liên lạc   |      |  |
|---|--|--|------|--|
| <p>Người tốt nghiệp trường trung học phổ thông, đại học, hoặc cao đẳng</p>  | <p>Giấy chứng nhận học lực của Bộ Giáo dục Trung Quốc</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chứng nhận học lực: Đăng ký tại Trung tâm Thông tin Sinh viên Giáo dục Đại học Toàn quốc Trung Quốc và Trung tâm Hướng dẫn Nghề nghiệp (Trung tâm Chứng nhận Học lực của Bộ Giáo dục: <a href="http://chsi.com.cn">chsi.com.cn</a>).</li> <li>Trường hợp cá nhân gặp khó khăn khi tự nộp đơn, có thể nộp thông qua cơ quan đại diện chính thức tại Hàn Quốc là Viện Khổng Tử Seoul (Viện Nghiên cứu Hợp tác Văn hóa Hàn-Trung: <a href="http://cis.or.kr">cis.or.kr</a>, 02-554-2688).</li> </ul> |      |  |
| <p>Trung Quốc</p> <p>Trường trung cấp dạy nghề</p> <p>Các trường công nhận trình độ tốt nghiệp trung học khác</p> | <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <th data-bbox="416 633 815 685">구분</th> <th data-bbox="815 633 1465 685">심사기준</th> </tr> </table>   | 구분   | 심사기준 |  |
|   | 구분   | 심사기준   |      |  |
|   | <p><b>Trung cấp chuyên nghiệp thông thường (普通中专) Regular Specialized Secondary Schools</b></p>  | <p><b>Chọn 1 :</b><br/>                     ① <b>Cấp bản mềm trực tuyến</b><br/>                     i) <b>Giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp*</b>: Cần có chứng nhận Apostille<br/>                     * Chỉ chấp nhận khi có thể xác minh tính xác thực online</p>   |      |  |
|   | <p><b>Trường cấp 3 dạy nghề (职业高中) Vocational High Schools</b></p>   | <p>② <b>Cấp bản cứng (phải nộp “Giấy xác nhận thông tin trường”)</b><br/>                     i) <b>Giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp</b>: Cần có chứng nhận Apostille<br/>                     ii) <b>Giấy chứng nhận tốt nghiệp do trường tự cấp</b>: Cần xác nhận của Sở Giáo dục (Cục Giáo dục thành phố) + cần có chứng nhận Apostille</p>  |      |  |
| <p><b>Trung cấp chuyên nghiệp dành cho người lớn (成人中专) Adult Specialized Secondary Schools</b></p>               | <p><b>Bản xác nhận trực tuyến từ Trang web chính thức của Bộ Nhân lực và An sinh xã hội (<a href="http://www.mohrss.gov.cn/">http://www.mohrss.gov.cn/</a>) + có chứng nhận Apostille</b><br/>                     * Chỉ chấp nhận khi có thể xác minh tính xác thực online</p>                              |  |      |  |
| <p><b>Trường công nghiệp kỹ thuật (技工学校) Skilled Workers Schools</b></p>  |  |  |      |  |
| <p>Các nước khác (Chọn 1)</p>   | <p><b>Giấy chứng nhận tốt nghiệp do trường tự cấp + có chứng nhận Apostille</b><br/>                     ※ <b>Phải nộp bản sao Giấy phép thành lập</b> (Chứng nhận đơn vị pháp nhân(事业单位法人证书) hoặc Giấy phép hoạt động trường tư (民办学校办学许可证) (Chỉ công nhận chương trình giáo dục, không cần công chứng)</p> | <p>① Giấy xác nhận Apostille<br/>                     ② Xác nhận từ lãnh sự quán Hàn Quốc tại quốc gia nơi trường xuất thân tọa lạc hoặc lãnh sự quán của quốc gia đó tại Hàn Quốc.</p>  |      |  |
| <p>Hàn Quốc</p>   | <p><b>Chứng nhận có thể xác minh bản gốc trực tuyến</b></p>  |  |      |  |

## 7 Lưu ý dành cho thí sinh

### 1. Lưu ý về việc điền đơn đăng ký

- 1) Ứng viên phải chịu trách nhiệm về bất kỳ bất lợi nào phát sinh do có **vấn đề trong việc nhập thông tin vào đơn đăng ký, điền lỗi, thiếu thông tin, hoặc nhà trường không liên lạc được với thí sinh.**
- 2) Sau khi nộp lệ phí, **không thể sửa đổi nội dung đơn đăng ký, hủy đăng ký hoặc hoàn trả lệ phí.**
- 3) Mỗi thí sinh chỉ được nộp 1 đơn đăng ký duy nhất, không được ứng tuyển nhiều chuyên ngành khác nhau và theo các hình thức tuyển sinh khác nhau.

### 2. Lưu ý về các hồ sơ cần nộp

- 1) Tất cả hồ sơ phải được hoàn thiện và nộp trong thời hạn quy định theo lịch trình tuyển sinh
- 2) Các tài liệu liên quan đến học vấn và chứng minh năng lực ngoại ngữ phải được công chứng **trong vòng 2 năm kể từ ngày nộp đơn, các tài liệu khác phải được công chứng trong vòng 1 năm.**
- 3) Tất cả các tài liệu không phải bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh phải được dịch và công chứng sang tiếng Hàn hoặc tiếng Anh trước khi nộp
- 4) Nếu tên trên các tài liệu nộp không giống nhau, cần nộp thêm giấy chứng minh là cùng một người do tòa án hoặc cơ quan nhà nước cấp.
- 5) Theo nguyên tắc, phải nộp bản gốc của tất cả tài liệu. Tuy nhiên, nếu không thể nộp bản gốc, có thể nộp bản sao sau khi mang bản gốc và bản sao đến bộ phận tuyển sinh của trường để đối chiếu.
- 6) Những ứng viên dự kiến tốt nghiệp (hoàn thành khóa học) phải nộp chứng nhận học lực cuối cùng và bảng điểm có ghi học kỳ cuối cùng trước khi nhận giấy phép nhập học. Nếu không có thể bị hủy kết quả trúng tuyển (nhập học).
- 7) Ngoài các hồ sơ cần nộp theo thông báo tuyển sinh này, thí sinh phải nộp đầy đủ các hồ sơ bổ sung trong trường hợp nhà trường yêu cầu nhằm mục đích xác minh giấy tờ
- 8) **Các tài liệu đã nộp sẽ không được hoàn trả, trường sẽ không photo các tài liệu mà thí sinh cần nộp khi xin cấp visa, vậy nên thí sinh hãy chuẩn bị đủ số lượng các tài liệu công chứng cần thiết.**

### 3. Những điểm cần lưu ý khác

- 1) Trường hợp sinh viên trúng tuyển vào nhiều trường trong cùng một học kỳ, chỉ được đăng ký nhập học vào 1 trường duy nhất. Nếu đồng thời nhập học vào nhiều trường và bị phát hiện thì sẽ bị hủy bỏ tư cách nhập học.
- 2) Nếu sinh viên đã đang theo học tại một trường khác mà vẫn đăng ký vào Soongsil và trúng tuyển, sinh viên phải đăng ký thôi học tại trường cũ trước ngày nhập học. Nếu trường phát hiện sinh viên đang trong tình trạng đăng ký kép, tư cách nhập học sẽ bị hủy bỏ.
- 3) Khi chuyển khoản học phí, lệ phí từ nước ngoài, thí sinh phải chịu phần chênh lệch do tỉ giá
- 4) Thí sinh không đủ điều kiện, cấp thông tin sai lệch, giả mạo hồ sơ hoặc có hành vi gian lận sẽ bị loại khỏi danh sách trúng tuyển. Kể cả sau khi đã trúng tuyển, việc nhập học sẽ bị hủy bỏ.
- 5) Sau khi đóng học phí, thí sinh phải tự xác nhận tình trạng nộp học phí của mình. Trường hợp xảy ra vấn đề do thí sinh không xác nhận cẩn thận, thí sinh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- 6) Nếu việc nhập học bị hủy sau ngày khai giảng, học phí có thể không được hoàn trả toàn bộ.
- 7) Những điều khoản không được ghi trong hướng dẫn này sẽ được quyết định bởi Ủy ban Quản lý Tuyển sinh của trường.

## 8 Học phí

※ Mức học phí có thể thay đổi sau này tùy theo chính sách của trường

| Đại học                     | Khoa tuyển sinh  | Học phí của kỳ nhập học (won) | Chi phí khác                                  |
|-----------------------------|--|-------------------------------|---|
| Đại học nhân văn            | Khoa Cơ Đốc Giáo   | 4,626,000                     | bảo hiểm du học sinh, phí hội sinh viên, v.v. |
|                             | Khoa ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc                          | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa ngôn ngữ và văn học Anh                               | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa ngôn ngữ và văn học Đức                               | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa ngôn ngữ và văn học Pháp                              | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa ngôn ngữ và văn học Trung Quốc                        | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa ngôn ngữ và văn học Nhật                              | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa Triết học   | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa Lịch sử học   | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa Nghệ thuật sáng tạo, chuyên ngành nghệ thuật điện ảnh | 6,694,000                     |   |
|                             | Khoa Thể thao  | 5,556,000                     |   |
|                             | Đại học Luật   | Khoa Luật                     |   |
| Khoa Luật quốc tế           |  | 6,151,000                     |   |
| Đại học khoa học xã hội     | Khoa phúc lợi xã hội                                       | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa hành chính  | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa quan hệ quốc tế và chính trị                          | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa xã hội thông tin                                      | 5,200,000                     |   |
|                             | Khoa truyền thông và quảng cáo                             | 5,200,000                     |   |
|                             | Khoa giáo dục thường xuyên                                 | 4,626,000                     |   |
| Đại học kinh tế thương mại  | Khoa kinh tế   | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa thương mại quốc tế                                    | 4,626,000                     |   |
| Đại học quản trị kinh doanh | Khoa quản trị kinh doanh                                   | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa kế toán   | 5,200,000                     |   |
|                             | Khoa đầu tư khởi nghiệp                                    | 4,626,000                     |   |
|                             | Khoa tài chính   | 6,151,000                     |   |
|                             | Khoa toán học  | 5,200,000                     |   |
| Đại học khoa học tự nhiên   | Khoa vật lý  | 5,556,000                     |   |
|                             | Khoa hóa học   | 5,556,000                     |   |
|                             | Khoa thống kê thông tin, xử lý bảo hiểm                    | 5,200,000                     |   |
|                             | Khoa hệ thống sinh học y tế                                | 5,556,000                     |   |
|                             | Khoa kỹ thuật hóa học                                      | 6,042,000                     |   |
| Đại học kỹ thuật            | Khoa kỹ thuật vật liệu mới                                 | 6,042,000                     |   |
|                             | Khoa kỹ thuật điện   | 6,042,000                     |   |
|                             | Khoa kỹ thuật cơ khí                                       | 6,042,000                     |   |
|                             | Khoa kỹ thuật hệ thống công nghiệp thông tin               | 6,042,000                     |   |
|                             | Khoa kiến trúc - chuyên ngành kỹ thuật kiến trúc           | 6,042,000                     |   |
|                             | Khoa khoa học máy tính                                     | 6,042,000                     |   |
|                             | Đại học công nghệ thông tin (IT)                           | Kỹ thuật thông tin và điện tử | Chuyên ngành kỹ thuật điện tử                 |
| Chuyên ngành IT tổng hợp    |  |                               | 6,042,000                                     |
| Khoa truyền thông quốc tế   |  | 6,042,000                     |   |
| Khoa phần mềm hệ thống      |  | 6,042,000                     |   |

## 9 Học bổng

### 1. Học bổng nhập học

| Điều kiện được cấp học bổng                         |  | Giá trị học bổng  |
|---|--|-------------------|
| Học bổng nhập học (A)<br>[Năng lực ngoại ngữ tốt 1] | Sinh viên có TOPIK 6   | Giảm 100% học phí |
|   | Sinh viên có TOPIK 5   | Giảm 80% học phí  |
|   | Sinh viên có TOPIK 4   | Giảm 60% học phí  |
|   | Sinh viên có TOPIK 3   | Giảm 40% học phí  |
|   | Sinh viên đạt kết quả tốt bài thi kiểm tra năng lực tiếng Hàn Soongsil   | Giảm 30% học phí  |
| Học bổng nhập học (B)<br>[Năng lực ngoại ngữ tốt 2] | Sinh viên hoàn thành cấp 4 trở lên chương trình tiếng Hàn hệ tiếng của Soongsil<br>(Phải đủ điều kiện hoàn thành khóa) | Giảm 40% học phí  |

※ Tiêu chí học bổng có thể thay đổi sau này theo quy định về học bổng của trường.

※ Thời gian nhận học bổng nhập học chỉ áp dụng cho học kỳ đầu tiên ngay sau khi nhập học.

※ Không được nhận đồng thời nhiều loại học bổng nhập học.

### 2. Học bổng dành cho sinh viên đang theo học tại trường (Từ học kỳ thứ 2 trở đi)

| Điều kiện được cấp học bổng   |  |                          |                  |
|---|--|--------------------------|------------------|
| Hoàn thành 15 tín trở lên ở kỳ ngay trước (12 tín trở lên ở kỳ ngay trước kỳ tốt nghiệp (năm 4 kỳ 1)) | Điểm trung bình trên 4.3<br>(với sinh viên có TOPIK 6) | Giảm 100% học phí        |                  |
| Hoàn thành 12 tín trở lên ở kỳ ngay trước   | Điểm trung bình trên 3.8                               | có TOPIK 4 trở lên       | Giảm 50% học phí |
|   |  | Không có TOPIK 4 trở lên | Không giảm       |
|   | Điểm trung bình trên 3.5 và dưới 3.8                   | Giảm 40% học phí         | Không giảm       |
|   | Điểm trung bình trên 3.0 và dưới 3.5                   | Giảm 20% học phí         | Không giảm       |

① Học phí kỳ tiếp theo được miễn giảm dựa trên kết quả học tập, sinh viên không cần đăng ký [\(bảng TOPIK phải được nộp cho văn phòng quốc tế. Vui lòng xác nhận thêm với văn phòng quốc tế sau khi nhập học\)](#)

② Các kỳ được cấp học bổng: Tân sinh viên (8 kỳ), chuyển tiếp năm 2 (6 kỳ), chuyển tiếp năm 3 (4 kỳ) (tối đa)

|  |   |
|--|---|
| Học bổng cho sinh viên có TOPIK cao: 200,000 won | ① Sinh viên đạt TOPIK 5 trở lên. Tuy nhiên, chỉ cấp cho người chưa từng nộp TOPIK 5 để nhận học bổng này khi nhập học.<br>② Chỉ cấp duy nhất 1 lần trong thời gian sinh viên theo học (kể cả nhập học lần 2)<br>③ Điều kiện về số tín chỉ cần hoàn thành sẽ được quy định riêng |
|--|---|

※ Tiêu chí học bổng có thể thay đổi sau này theo quy định về học bổng của trường.

## 10 Đòi sống học đường

### 1. Ký túc xá

| Ký túc xá  | Số người            | Thời gian                 | Chi phí              |
|--|---------------------|---------------------------|----------------------|
| Residence Hall<br>(KTX trong trường)             | 2 người/phòng       | 16 tuần (học kỳ)          | Khoảng 1,400,000 won |
|  |                     | 25 tuần (bao gồm kỳ nghỉ) | Khoảng 2,100,000 won |
| Sewon Villa (KTX ngoài trường, chỉ sinh viên nữ) | Nhà riêng (4 người) | 16 tuần (học kỳ)          | Khoảng 1,650,000 won |

※ Các thông tin cụ thể khác như thời gian đăng ký KTX sẽ được thông báo khi có kết quả sinh viên trúng tuyển

### 2. Du học sinh nước ngoài bắt buộc tham gia bảo hiểm Y tế Quốc dân (Kookmin)

Theo [Luật Bảo hiểm Y tế Quốc dân] và [Quy tắc thực thi của Luật này] từ tháng 3 năm 2021, du học sinh nước ngoài bắt buộc tham gia bảo hiểm y tế quốc dân theo diện tham gia khu vực. (Bảo hiểm sẽ được đăng ký ngay sau khi nhập cảnh và hoàn tất đăng ký người nước ngoài)

※ Thông tin chi tiết sẽ được thông báo qua hướng dẫn riêng cho các thí sinh trúng tuyển.

### 3. Nghĩa vụ tham gia một số môn học tiếng Hàn

1) Tất cả sinh viên sau khi nhập học phải hoàn thành một số môn học đại cương đặc biệt như lớp học tiếng Hàn, v.v.

2) Thông tin chi tiết sẽ được thông báo tại buổi định hướng dành cho tân sinh viên

### 4. Bộ phận phụ trách du học sinh nước ngoài

| Bộ phận                    | Email               | SĐT              | Mảng phụ trách  |
|----------------------------|---------------------|------------------|---|
| Phòng phụ trách tuyển sinh | iphak@ssu.ac.kr     | 02-820-0050~0053 | · Tiếp nhận hồ sơ và đơn đăng ký nhập học               |
| Phòng Quốc tế              | undergrad@ssu.ac.kr | 02-828-7352~7353 | · Quản lý KTX, một số lớp học,... của sinh viên quốc tế |



Phụ lục 1

Mẫu đơn xác nhận thông tin trường

(chỉ dành cho thí sinh cần xin chứng nhận học lực (trang 7))

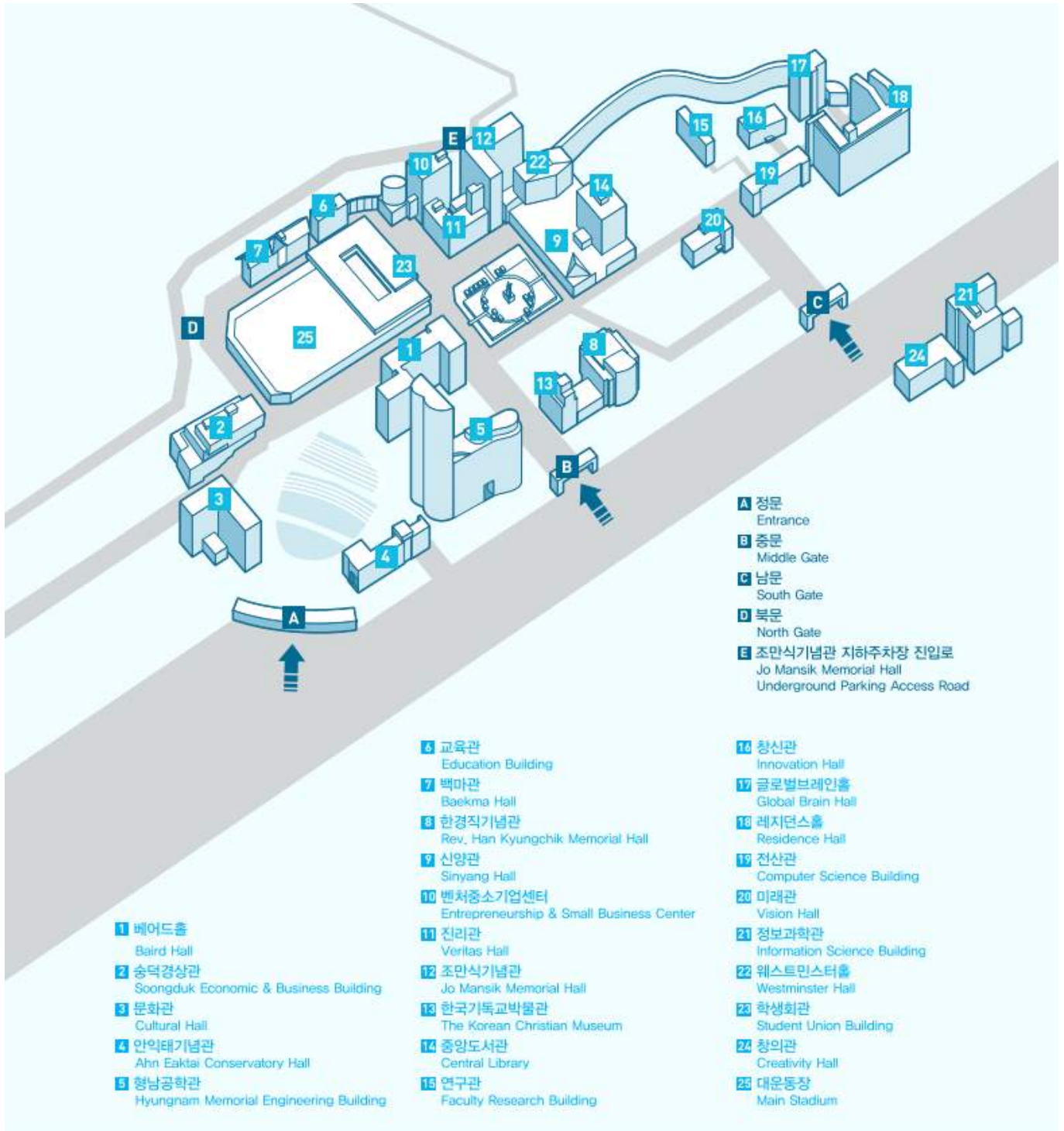
학교 정보 확인서 学校信息确认书

|  |  |  |                            |  |
|--|--|--|----------------------------|--|
| 유 학 생<br>인 적 사 항<br>留 学 生<br>个 人 信 息   | 성 명<br>姓 名                                   |  | 생 년 월 일<br>出 生 日 期         |  |
|  | 국 적<br>国 籍                                   |  | 여 권 번 호<br>护 照 号 码         |  |
|  | 진학 예정 대학<br>拟入学大学名称                          |  | 전 공 명<br>专 业 名 称           |  |
|  | 전 화 번 호<br>联 系 电 话                           |  | e-mail<br>电 子 邮 箱          |  |
| 학 교 정 보<br>学 校 信 息   | 졸업 학교 명<br>(졸업일)<br>毕 业 学 校 名 称<br>(毕 业 日 期) | (졸업일 毕业日期:20 . . . )   |                            |  |
|  | 학 교 유 형<br>学 校 类 型                           | 보통중등전문학교 普通中专( )<br>성인중등전문학교 成人中专( )   | 직업고등학교 职业高中( )<br>기타 其他( ) |  |
|  | 교 육 과 정<br>教 育 种 类                           | 고 등 학 교 학 력 과 정 高中阶段学历教育( )<br>고 등 학 교 비 학 력 과 정 高中阶段非学历教育( )<br>※ 비학력 과정의 경우 유학비자 발급 불가 非学历教育学生不能获得韩国留学签证 |                            |  |
|  | 소 재 지<br>学 校 地 址                             |  |                            |  |
|  | 전 화 번 호<br>学 校 电 话                           |  |                            |  |
|  | 홈 페이지<br>学 校 官 网                             |  |                            |  |
|  | 교 직 원<br>연 락 정 보<br>教 职 工<br>联 系 信 息         | 소 속 및 직 위<br>所 属 部 门 及 职 位   |                            |  |
| 성 명<br>姓 名   |  | (인 또는 서명)<br>(盖章或签名)   | 전 화 번 호<br>联 系 电 话         |  |
| <p>본인은 상기 학교 정보 등 기재 내용이 사실과 다름없음을 서약하며, 허위 사실 기재 시 대한민국 법령에 따라 처벌받을 수 있음을 확인합니다.<br/>本人保证, 以上所填写的学校信息等内容均属实。本人理解, 以上信息如有虚假, 可能会受到韩国相关法律法规的处罚。特此确认。</p> <p style="text-align: right;">20 . . .</p> <p style="text-align: right;">유 학생 본인 留学生本人 (서명 签名)</p> |  |  |                            |  |
| <p>* 2부 작성 후 교육기관 및 재외공관에 각각 제출<br/>本确认书需要一式两份。一份交拟入学大学, 一份交韩国驻外使领馆。</p>   |  |  |                            |  |

## Phụ lục 2 Hướng dẫn điền đơn đăng ký online

| Mục                            | Hướng dẫn điền   |
|--------------------------------|--|
| Chọn trường                    | ▶ Chọn '승실대학교 순수외국인 전형' trong danh sách  |
| Đăng ký hội viên               | ▶ Điền địa chỉ email và đăng ký hội viên   |
| Đọc kỹ các mục lưu ý           | ▶ Cần đọc kỹ các điểm cần lưu ý khi đăng ký online   |
| Phân loại ứng tuyển            | ▶ lựa chọn giữa tân sinh viên/ chuyển tiếp (năm 2,3)   |
| Chọn ngành                     | ▶ <b>Kiểm tra kỹ các thông tin về ngành/ khoa định đăng ký trước khi đăng ký</b>   |
| Năng lực ngoại ngữ             | ▶ Chọn ngoại ngữ (TOPIK,...), nhập cấp/ngày lấy chứng nhận<br>▶ Nếu đã đỗ bài thi tiếng Hàn Soongsil, nhập số báo danh khi thi   |
| Có từng học hệ tiếng hay không | ▶ Lựa chọn: học hệ tiếng ở Soongsil/ học hệ tiếng ở trường khác trong HQ/ chưa từng học hệ tiếng   |
| Tên                            | ▶ Nhập tên tiếng Hàn, tiếng Anh (giống với tên trên hộ chiếu)  |
| Quốc tịch                      | ▶ Nhập quốc tịch của mình (Ví dụ: Trung Quốc)  |
| Ngày tháng năm sinh            | ▶ Nhập 6 số (ví dụ: 020607)  |
| Giới tính                      | ▶ Chọn nam/nữ  |
| Số thẻ người nước ngoài        | ▶ Nhập số thẻ người nước ngoài của bản thân ( <b>Phải giống với số được ghi trên giấy tờ chứng minh bản thân là người nước ngoài</b> )/ Không có thì chọn 미등록  |
| Thông tin liên lạc             | ▶ nhập địa chỉ, số điện thoại, email   |
| Số hộ chiếu                    | ▶ phải giống với số trên hộ chiếu  |
| Bản sao hộ chiếu               | ▶ Tải lên bản sao hộ chiếu   |
| Loại visa/Hạn visa             | ▶ Nhập chính xác trong trường hợp hiện đang có visa Hàn Quốc   |
| Thông tin liên lạc (dự phòng)  | ▶ Nhập điện thoại, email,... dự phòng trong trường hợp <b>nhà trường không liên lạc trực tiếp được với thí sinh để tránh các bất lợi phát sinh</b>   |
| Học lực                        | ▶ Nhập tên trường cấp 3 đã tốt nghiệp/ Trường hợp chuyển tiếp thì điền trường cấp 3 và trường đại học (quốc gia, thành phố, thời gian theo học, tên trường, thông tin liên lạc của trường, địa chỉ, homepage,...)                                  |
| Thông tin khác                 | ▶ Chọn cách mà bản thân ứng tuyển (qua trung tâm, tự tìm trên mạng, triển lãm du học, người quen giới thiệu, là sinh viên hệ tiếng của trường)   |
| Ảnh                            | ▶ <b>Tải lên ảnh của bản thân (nên dùng ảnh giống trên hộ chiếu)</b><br>(Nếu tải lên ảnh đôi mũ/không đúng quy cách ảnh thẻ sẽ bị đánh trượt hồ sơ)  |
| Thanh toán phí ứng tuyển       | ▶ Kiểm tra kỹ các thông tin đã điền trước khi thanh toán, tiến hành thanh toán theo hướng dẫn trên trang đăng ký ( <b>toàn bộ số tiền đã thanh toán sẽ không được hoàn trả &amp; thí sinh không thể thay đổi thông tin sau khi đã thanh toán</b> ) |
| In phiếu địa chỉ               | ▶ In và dán phiếu địa chỉ lên bì hồ sơ và gửi bưu điện/đến nộp trực tiếp   |

Phụ lục 3 **Bản đồ khuôn viên trường**



## Phụ lục 4 Phương tiện giao thông đến trường

### 대중교통 안내



#### 지하철

지하철 7호선 송실대입구역 3번 출구  
(3번 출구로 나오면 바로 학교 정문입니다)



#### 버스

간선 버스 501, 506, 641, 650, 742, 750, 752, 753  
지선 버스 5511, 5517  
공항 버스 6019



#### 승용차

##### 용산 방향

용산 ▶ 한강대교 ▶

상도터널 ▶ 상도사거리에서 좌회전 ▶

송실대학교 입구 삼거리에서 좌회전 후 220m 직진 ▶

송실대학교 중문

##### 장승배기 방향

장승배기 ▶ 상도동우체국 ▶

상도동성당 ▶ 상도동사거리 직진 ▶

송실대학교 입구 삼거리에서 좌회전 후 220m 직진 ▶

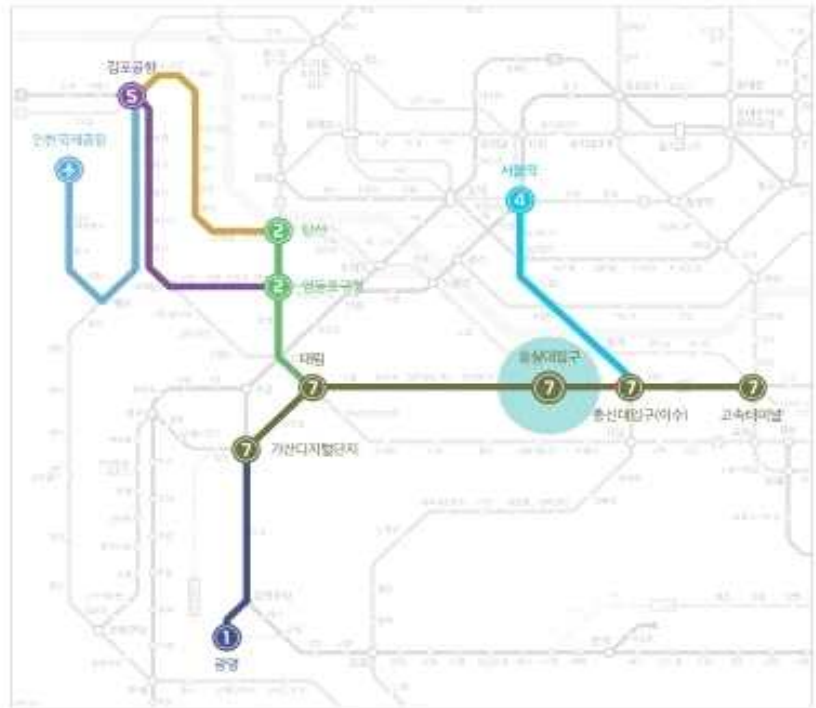
송실대학교 중문

##### 이수사거리 방향

이수사거리 ▶ 남성역 ▶

충신대 ▶ 백운소방파출소 ▶

송실대학교 남문에서 180m 직진 ▶ 송실대학교 중문



Học kỳ 2 năm học 2025  
THÔNG BÁO TUYỂN SINH DÀNH CHO  
DU HỌC SINH QUỐC TẾ  
(TÂN SINH VIÊN & SINH VIÊN CHUYÊN TIẾP)

Phòng Tuyển sinh Trường đại học Soongsil  
ĐC : 06978 Seoul Dongjak-gu Sangdo-ro 369  
SĐT : 02.820.0050~3 (hướng dẫn hồ sơ nhập học)  
E-mail. [iphak@ssu.ac.kr](mailto:iphak@ssu.ac.kr)  
[admission.ssu.ac.kr](http://admission.ssu.ac.kr)

